

Số: 2313 /QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2017 - 2019
của Trường Đại học Y Dược Huế**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược-Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I Sau đại học;

Căn cứ Công văn số 333/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn đào tạo Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ nội trú trong năm 2019;

Căn cứ Biên bản họp ngày 02/7/2019 của Hội đồng Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I Sau đại học năm 2019 của Trường Đại học Y Dược Huế;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2017 - 2019 cho 438 (Bốn trăm ba mươi tám) học viên, thuộc 26 chuyên ngành, có danh sách kèm theo, kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tổ chức-Hành chính, Kế hoạch-Tài chính và các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP I
KHÓA HỌC 2017 - 2019 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

Hệ đào tạo: Tập trung

(Kèm theo Quyết định số 2313 /QĐ-ĐHYD ngày 22 tháng 7 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế)

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
		1. Nội khoa (70)				
1	1	Phan Việt	Bắc	10.11.1973	Hà Tĩnh	TB Khá
2	2	Phạm Phú	Hải	18.02.1968	Bình Định	Khá
3	3	Trương Thị Tố	Linh	27.11.1983	Quảng Nam	Khá
4	4	Trần Thanh	Long	14.01.1986	Đà Nẵng	Giỏi
5	5	Nguyễn Ngọc	Ngoan	02.06.1970	Kon Tum	Khá
6	6	Đoàn Thị Hữu	Nhàn	09.09.1983	Quảng Ngãi	Khá
7	7	Phạm Thị Thu	Phương	02.10.1988	Quảng Trị	Khá
8	8	Nguyễn Thị	Phượng	30.08.1982	Thái Bình	Khá
9	9	Đoàn Thùy	Trang	25.02.1989	Quảng Nam	Khá
10	10	Lê	Vũ	05.08.1967	Đà Nẵng	Khá
11	11	Lưu Trương Thị	Trình	15.10.1984	Quảng Nam	Khá
12	12	Hà Thị Thùy	Dung	28.10.1989	Đắk Nông	Khá
13	13	Đặng Quang	Dương	23.8.1981	Quảng Bình	TB Khá
14	14	Nguyễn Thị Tuyết	Hòa	20.5.1985	Hà Tĩnh	Giỏi
15	15	Phạm Thanh	Huyền	10.01.1984	Quảng Bình	Khá
16	16	Nguyễn Thị	Liều	20.3.1974	Quảng Bình	Khá
17	17	Hồ Đình	Nam	30.11.1988	Hà Tĩnh	Khá
18	18	Đinh Thái	Son	09.09.1975	Quảng Bình	TB Khá
19	19	Nguyễn Đình	Thế	27.09.1981	Hà Tĩnh	Khá
20	20	Văn Đức	Thọ	26.10.1985	Thừa Thiên Huế	Khá
21	21	Ngô Văn	Thủy	08.08.1970	Bình Định	Khá
22	22	Trần Thị Phương	Thảo	29.9.1988	Quảng Bình	Khá
23	23	Lý Thị Kim	Chi	10.07.1967	Đà Nẵng	Khá
24	24	Phan Văn	Đào	08.10.1972	Quảng Nam	TB Khá
25	25	Huỳnh Thị Đan	Hạ	15.10.1982	Quảng Nam	Khá
26	26	Nguyễn Tài	Hải	19.12.1972	Quảng Ngãi	Khá
27	27	Lê Ngọc	Hóa	16.03.1979	Quảng Nam	Khá
28	28	Vũ Trọng	Hối	04.12.1970	Quảng Nam	Khá
29	29	Nguyễn Đình	Kiệt	01.12.1982	Quảng Nam	Khá
30	30	Lương Thế	Kỷ	02.02.1976	Quảng Nam	Khá
31	31	Hoàng Văn	Luận	27.09.1979	Cao Bằng	Khá
32	32	Đỗ Trường	Lưu	15.05.1974	Quảng Nam	Khá
33	33	Nguyễn Văn	Minh	12.10.1977	Quảng Nam	Khá
34	34	Trương Đức	Nam	01.11.1970	Nghệ An	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
35	35	Huỳnh Văn	Ngọc	04.02.1972	Thanh Hóa	Khá
36	36	Dương Thị Thanh	Nhàn	06.06.1983	Quảng Nam	Khá
37	37	Trần Huy	Quang	07.02.1973	Quảng Nam	Khá
38	38	Phạm Thị Hồng	Sâm	20.12.1983	Quảng Nam	Khá
39	39	Lê Văn	Son	06.06.1965	Quảng Nam	Khá
40	40	Nguyễn Công	Thuận	10.06.1974	Quảng Nam	Khá
41	41	Nguyễn Minh	Tuấn	10.01.1979	Quảng Nam	Khá
42	42	Đinh Văn	Tuyển	27.02.1984	Quảng Nam	TB Khá
43	43	Nguyễn Thị Trà	My	24.05.1987	Quảng Nam	Khá
44	44	Nguyễn An	Châu	15.11.1977	Bến Tre	Khá
45	45	Nguyễn Mạnh	Cường	22.10.1968	TP. Hồ Chí Minh	Khá
46	46	Bùi Thị Hồng	Đào	10.04.1967	TP. Hồ Chí Minh	Khá
47	47	Nguyễn Thị Phụng	Diễm	05.01.1980	Bến Tre	Khá
48	48	Đinh Ngọc	Dũng	23.05.1977	Ninh Bình	Khá
49	49	Phạm Xuân	Hải	18.11.1976	Thanh Hóa	Khá
50	50	Lê Trần	Hoàng	06.11.1968	TP. Hồ Chí Minh	Khá
51	51	Lê Nguyễn Bá	Hùng	22.05.1972	Kiên Giang	Khá
52	52	Phan Văn	Hung	09.04.1970	TP. Hồ Chí Minh	TB Khá
53	53	Trần Quốc	Khải	27.12.1978	Kiên Giang	Khá
54	54	La Văn	Khoa	03.02.1977	Cà Mau	Khá
55	55	Dương Thị Kim	Khuyến	12.08.1967	Long An	Khá
56	56	Võ Hùng	Lâm	01.05.1973	Bình Dương	TB Khá
57	57	Trần Thị Ngọc	Lan	08.03.1967	Ninh Bình	Khá
58	58	Trương Ngọc	Lễ	28.08.1972	An Giang	Khá
59	59	Đỗ Thị Thúy	Liệu	27.05.1965	TP. Hồ Chí Minh	Khá
60	60	Lê Nữ Anh	Mai	10.01.1966	Quảng Nam	Khá
61	61	Phạm Thị	Mai	06.04.1973	Thái Bình	Khá
62	62	Nguyễn Hồng	Nguyên	01.11.1976	Hà Nam	TB Khá
63	63	Lê Thanh	Quyết	16.12.1978	Nam Định	Khá
64	64	Lê Văn	Tâm	01.05.1977	Cà Mau	Khá
65	65	Lê Phụng	Thiện	10.10.1984	TP. Hồ Chí Minh	Khá
66	66	Hồ Thị Kiều	Thu	24.11.1980	TP. Hồ Chí Minh	Khá
67	67	Nguyễn Văn	Tính	06.10.1971	TP. Hồ Chí Minh	Khá
68	68	Nguyễn	Trung	09.09.1973	TP. Hồ Chí Minh	Khá
69	69	Nguyễn Hữu	Văn	29.05.1964	TP. Hồ Chí Minh	Khá
70	70	Vũ Thị Bạch	Yến	13.11.1984	Đồng Nai	Khá
		2. Thần kinh (02)				
71	1	Nguyễn Thị Bích	Lệ	19.08.1980	Hà Tĩnh	Giỏi
72	2	Nguyễn Bảo	Thuận	19.2.1981	Quảng Nam	Giỏi
		3. Ngoại khoa (12)				
73	1	Phạm Tuấn	Anh	20.03.1990	Hà Nam	Khá
74	2	Nguyễn Thanh	Long	01.05.1989	Hà Tĩnh	Khá
75	3	Phạm Quỳnh	Nam	19.01.1988	Khánh Hòa	Khá
76	4	Hoàng Ngọc	Son	29.05.1989	Lai Châu	Khá
77	5	Phạm Ngọc	Thanh	17.01.1975	Quảng Ngãi	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
78	6	Trần Tấn	Thọ	01.04.1977	Quảng Nam	Khá
79	7	Ngô Văn	Minh	04.4.1982	Quảng Nam	Khá
80	8	Nguyễn Thái	Phương	04.5.1985	Thừa Thiên Huế	Khá
81	9	Nguyễn Thanh	Tuấn	06.04.1984	Kon Tum	Khá
82	10	Lê Viết	Vĩ	08.7.1980	Thừa Thiên Huế	Khá
83	11	Lê Xuân	Vũ	24.11.1985	Thừa Thiên Huế	Khá
84	12	Văn Viết	Vũ	28.10.1979	Thừa Thiên Huế	TB Khá
		4. Sản Phụ khoa (34)				
85	1	Nguyễn Thị	Đào	24.07.1989	Quảng Bình	Khá
86	2	Trần Hải	Hà	27.04.1990	Quảng Bình	Khá
87	3	Nguyễn Văn	Hào	06.05.1983	Quảng Bình	TB Khá
88	4	Trần Thị	Hoa	25.03.1983	Quảng Trị	Khá
89	5	Lê Văn	Nam	27.10.1988	Quảng Bình	Khá
90	6	Thái Thị Đỗ	Ngọc	12.07.1985	Quảng Nam	Khá
91	7	Võ Thị Kim	Anh	08.02.1972	Hải Phòng	Khá
92	8	Phạm Văn	Dũng	10.6.1979	Khánh Hòa	Khá
93	9	A	Hạ	06.09.1982	Kon Tum	Khá
94	10	Nguyễn Thị	Hằng	07.3.1986	Thừa Thiên Huế	Khá
95	11	Phan Xuân	Linh	01.01.1982	Quảng Nam	TB Khá
96	12	Nguyễn Đình	Nam	07.11.1977	Quảng Bình	TB Khá
97	13	Hoàng Thị Bích	Nhung	19.08.1976	Lào Cai	TB Khá
98	14	Đinh Hoài	Thương	20.4.1987	Gia Lai	Khá
99	15	Trần Thị	Dùng	11.07.1988	Quảng Trị	Khá
100	16	Lê Đình	Duy	14.08.1989	Đà Nẵng	Khá
101	17	Nguyễn Văn	Hiền	25.01.1990	Đắk Lắk	Khá
102	18	Lê Khắc	Hiệu	28.11.1989	Thanh Hóa	Khá
103	19	Trần Đình Lê	Khánh	11.01.1989	Đà Nẵng	Khá
104	20	Phạm Thị	Khô	09.06.1986	Quảng Ngãi	Khá
105	21	Huỳnh Minh	Nhật	05.03.1990	Đà Nẵng	Khá
106	22	Võ Xuân Quế	Ninh	18.09.1990	Gia Lai	Khá
107	23	Lê Kim	Phụng	02.02.1989	Hà Tĩnh	Khá
108	24	Trương Thị	Phượng	02.01.1989	Thừa Thiên Huế	Khá
109	25	Nguyễn Hồng	Quân	12.01.1990	Hà Tĩnh	Khá
110	26	Phạm Lương Bảo	Quốc	20.10.1990	Quảng Nam	Khá
111	27	Trần Trung	Quyết	25.07.1988	Hà Tĩnh	Khá
112	28	Võ Tá	Sơn	06.11.1989	Hà Tĩnh	Khá
113	29	Lê Văn	Thương	03.01.1989	Quảng Nam	Khá
114	30	Trần Anh	Tiến	20.02.1990	Quảng Ngãi	Khá
115	31	Trương Huỳnh	Trí	15.12.1990	Quảng Nam	Khá
116	32	Đỗ Danh	Trường	31.01.1990	Hà Nội	Khá
117	33	Lưu Hồng	Tuyên	20.04.1982	Bắc Giang	Khá
118	34	Đào Quốc	Việt	26.11.1988	Thừa Thiên Huế	Khá
		5. Nhi khoa (14)				
119	1	Nguyễn Đăng	Công	03.02.1978	Hà Tĩnh	TB Khá
120	2	Hồ Kim	Đức	16.05.1989	Quảng Ngãi	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
121	3	Phạm	Hải	26.09.1990	Quảng Nam	Giỏi
122	4	Cao Thị Thanh	Hoài	22.3.1988	Quảng Bình	TB Khá
123	5	Hoàng Thị Thiên	Lý	22.05.1988	Đắk Lắk	Khá
124	6	Nguyễn Thị Minh	Nhật	05.01.1985	Bình Định	Khá
125	7	Nguyễn Thị	Nở	01.07.1990	Thừa Thiên Huế	Khá
126	8	Nguyễn Nhật	Trường	01.06.1981	Quảng Trị	Khá
127	9	Rơ Chăm Ly	Va	06.08.1984	Gia Lai	Khá
128	10	Phan Ngọc	Tiến	05.02.1972	Đà Nẵng	Khá
129	11	Lưu Đức	Bảy	01.01.1974	Quảng Nam	Khá
130	12	Nguyễn Thị	Hiền	04.09.1988	Nghệ An	Khá
131	13	Nguyễn Thị Thúy	An	12.9.1990	Nghệ An	Giỏi
132	14	Nguyễn Thị	Vân	12.06.1974	Hà Tĩnh	TB Khá
		6. Nhân khoa (04)				
133	1	Đinh Thị	Hảo	01.05.1987	Bắc Giang	Khá
134	2	Trương Thị Xuân	Hồng	04.03.1988	Quảng Nam	Khá
135	3	Lê Thị	Hồng	23.7.1975	Hà Tĩnh	Khá
136	4	Nguyễn Văn	Linh	07.8.1990	Thanh Hóa	Khá
		7. Tai Mũi Họng (09)				
137	1	Chanthaphon	Soumadta	21.01.1989	CHDHND Lào	Khá
138	2	Phạm Hữu	Tuệ	26.06.1969	Thừa Thiên Huế	Khá
139	3	Trần Văn	Chương	07.08.1986	Nghệ An	Giỏi
140	4	Nguyễn Ngọc	Định	21.10.1984	Nghệ An	Khá
141	5	Đoàn Nhật	Khánh	26.09.1988	Thừa Thiên Huế	Khá
142	6	Nguyễn Ngọc	Son	08.10.1976	Quảng Ngãi	Khá
143	7	Châu Ngọc	Tri	02.10.1982	Quảng Nam	Giỏi
144	8	Nguyễn Tiến Minh	Tuấn	24.10.1980	Đà Nẵng	Khá
145	9	Nguyễn Thị Kim	Vân	22.02.1970	Khánh Hòa	Khá
		8. Răng Hàm Mặt (34)				
146	1	Phạm Tiến	Hùng	15.10.1983	Hà Tĩnh	Giỏi
147	2	Nguyễn Văn	Lâm	01.04.1989	Đà Nẵng	Khá
148	3	Trần Văn	Lịch	04.10.1985	Thừa Thiên Huế	Giỏi
149	4	Nguyễn Phước	Thịnh	16.06.1971	Kon Tum	Giỏi
150	5	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	21.01.1987	Thừa Thiên Huế	Giỏi
151	6	Nguyễn Thị Kim	Phượng	12.02.1988	Thừa Thiên Huế	Giỏi
152	7	Nguyễn Hữu	Trung	19.10.1974	Nghệ An	Khá
153	8	Vũ Thị Ninh	Anh	08.01.1960	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
154	9	Nguyễn Thị Kim	Chương	25.05.1986	Lâm Đồng	Giỏi
155	10	Phan Hoàng	Cương	05.10.1988	Đắk Lắk	Khá
156	11	Nguyễn Thị Thu	Hà	16.02.1974	Đà Nẵng	Giỏi
157	12	Phạm Thanh	Hải	18.01.1983	Lâm Đồng	Giỏi
158	13	Nguyễn Lam	Hải	25.6.1980	Bắc Ninh	Giỏi
159	14	Trần Hữu	Hoàn	18.3.1968	Đà Nẵng	Giỏi
160	15	Hoàng Dương Bảo	Khánh	01.07.1988	Đồng Nai	Giỏi
161	16	Phạm Thị Ngọc	Lan	20.10.1985	Bình Định	Khá
162	17	Trần Thị Mỹ	Ngọc	09.08.1983	Lâm Đồng	Giỏi

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
163	18	Nguyễn Thái Thảo	Nguyễn	16.10.1981	Tiền Giang	Giỏi
164	19	Thái Uyên	Nhi	04.11.1981	Bình Định	Giỏi
165	20	Trang Anh Bình	Phương	02.05.1977	TP. Hồ Chí Minh	Khá
166	21	Huỳnh Diễm	Phương	02.05.1983	Vĩnh Long	Khá
167	22	Đỗ Thị Thanh	Phương	21.04.1991	Đồng Nai	Khá
168	23	Ngô Minh	Quân	10.05.1966	Bình Định	Giỏi
169	24	Nguyễn Võ Đăng	Quang	12.09.1979	Tiền Giang	Khá
170	25	Trần Thanh	Tâm	11.6.1979	TP. Hồ Chí Minh	Khá
171	26	Nguyễn Hữu	Thảo	01.01.1970	Quảng Nam	Giỏi
172	27	Đinh Thị	Thủy	23.01.1987	Nam Định	Giỏi
173	28	Nguyễn Thanh	Trương	13.10.1970	Thanh Hóa	Khá
174	29	Trần Văn	Tuấn	15.02.1974	Nghệ An	Khá
175	30	Đỗ Ngọc	Tuấn	14.10.1986	Đắk Lắk	Khá
176	31	Trần Thị Phương	Tuyền	11.07.1991	Quảng Ngãi	Khá
177	32	Phan Nguyễn Anh	Việt	13.12.1985	Khánh Hòa	Khá
178	33	Nguyễn Phạm Phi	Vũ	04.04.1989	Đồng Nai	Khá
179	34	Từ Lệ Hoàng	Yến	14.7.1988	Lâm Đồng	Khá
9. Chẩn đoán hình ảnh (22)						
180	1	Đinh Tuấn	Anh	22.01.1978	Hà Tĩnh	Khá
181	2	Nguyễn Hữu	Chương	22.02.1978	Quảng Trị	Khá
182	3	Nguyễn Thị	Dung	16.10.1988	Hà Tĩnh	Giỏi
183	4	Nguyễn Tuấn	Dũng	20.11.1986	Hà Tĩnh	Khá
184	5	Võ Thị Thu	Hà	26.10.1974	Nghệ An	Khá
185	6	Trần Thị	Hoài	16.02.1982	Hà Tĩnh	Khá
186	7	Hà Thị Bích	Huyền	08.08.1990	Quảng Bình	Giỏi
187	8	Nguyễn Lê	Na	01.04.1988	Quảng Nam	Khá
188	9	Võ Văn	Nhân	23.08.1977	Quảng Nam	TB Khá
189	10	Hồ Văn	Quốc	30.12.1970	Đà Nẵng	Giỏi
190	11	Dương Quốc	Trực	23.06.1975	Quảng Bình	Khá
191	12	Cao Phan Ngọc	Tường	12.01.1980	Quảng Nam	TB Khá
192	13	Hàn Thị Lê	Vân	09.08.1984	Quảng Trị	Khá
193	14	Vương Khả	Vinh	16.05.1982	Nghệ An	Khá
194	15	Phan Thị Hương	Giang	29.10.1983	Đắk Lắk	Giỏi
195	16	Trần	Hoàng	25.11.1980	Đắk Lắk	Giỏi
196	17	Trần	Hùng	26.7.1982	Quảng Bình	Khá
197	18	Hoàng Văn	Ngọc	28.05.1970	Nghệ An	TB Khá
198	19	Hồ Thị	Phú	02.11.1983	Thừa Thiên Huế	Khá
199	20	Hoàng Công	Tâm	21.12.1976	Quảng Bình	TB Khá
200	21	Phạm Đức	Toàn	01.06.1977	Quảng Bình	Khá
201	22	Huỳnh Thị Đoan	Trang	27.4.1989	Thừa Thiên Huế	Giỏi
10. Gây mê hồi sức (27)						
202	1	Nguyễn Đình	Bảo	02.05.1985	Hà Tĩnh	Khá
203	2	Đinh Thị	Lụa	15.03.1981	Quảng Ngãi	Khá
204	3	Lương Văn	Nguyên	01.10.1973	Thanh Hóa	Khá
205	4	Nguyễn Văn	Nhấn	25.01.1965	Bình Định	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
206	5	Nguyễn Lê Hồng	Nhật	18.10.1988	Quảng Ngãi	Giỏi
207	6	Lê Đức	Thái	15.10.1971	Quảng Ngãi	Khá
208	7	Nguyễn Văn	Thành	06.11.1983	Quảng Nam	Khá
209	8	Bùi Văn	Thành	19.06.1985	Thanh Hóa	Khá
210	9	Nguyễn Tài	Thu	01.06.1988	Bình Định	Khá
211	10	Đinh Sỹ	Thùy	18.08.1984	Hà Tĩnh	Khá
212	11	Nguyễn Đình	Vĩnh	09.10.1979	Nghệ An	Khá
213	12	Nguyễn Văn	Chí	15.06.1980	Bình Định	Khá
214	13	Nguyễn Văn	Phong	08.08.1986	Phú Yên	Khá
215	14	Đinh Văn	Tuệ	10.10.1972	Hà Tĩnh	Khá
216	15	Huỳnh Văn	Thanh	10.03.1984	Quảng Nam	Khá
217	16	Đinh Thị Thanh	Hà	04.02.1980	Đà Nẵng	Khá
218	17	Nguyễn Hữu	Hưng	05.05.1990	Quảng Nam	Khá
219	18	Nguyễn Thế	Lĩnh	04.02.1990	Đà Nẵng	Khá
220	19	Nguyễn Văn	Luân	18.08.1988	Quảng Trị	Giỏi
221	20	Phan Thị	Luyến	01.03.1988	Hà Tĩnh	Khá
222	21	Đỗ Thị Thanh	Nga	10.08.1979	Thừa Thiên Huế	Khá
223	22	Lê Thị Thanh	Nga	25.03.1990	Quảng Nam	Giỏi
224	23	Thân Văn	Quyền	19.07.1990	Hà Tĩnh	Giỏi
225	24	Nguyễn Đại	Tâm	17.07.1988	Quảng Bình	Giỏi
226	25	Hồ Phước	Tuấn	10.02.1988	Thừa Thiên Huế	Khá
227	26	Phạm Thị	Dung	03.08.1985	Quảng Nam	Khá
228	27	Thái Đình	Tiến	20.10.1977	Đà Nẵng	Khá
11. Hồi sức cấp cứu (08)						
229	1	Lê Viết	Đồng	05.01.1982	Đắk Lắk	Giỏi
230	2	Khuất Lê Khánh	Duy	09.10.1990	Bắc Giang	Khá
231	3	Đặng Minh	Hoàng	25.08.1978	Hà Tĩnh	Khá
232	4	Nguyễn Văn	Kỳ	06.12.1973	Hà Tĩnh	Khá
233	5	Ngô Thị	Tho	21.06.1984	Kon Tum	Khá
234	6	Chanthavong	Vixay	14.6.1989	CHDHND Lào	Khá
235	7	Nguyễn Trung	Kiên	20.6.1983	Nghệ An	Khá
236	8	Võ Đình	Thiện	04.07.1988	Nghệ An	Khá
12. Y học cổ truyền (75)						
237	1	Hoàng Xuân	Hảo	01.05.1977	Quảng Bình	Khá
238	2	Văn Công	Minh	12.12.1974	Bình Định	Giỏi
239	3	Nguyễn Thanh	Phong	28.02.1982	Thừa Thiên Huế	Khá
240	4	Lê Xuân	Thắng	15.05.1970	Quảng Trị	Khá
241	5	Nguyễn Thanh	Thương	10.10.1987	Quảng Ngãi	Giỏi
242	6	Trần	Giao	24.12.1969	Thừa Thiên Huế	Giỏi
243	7	Nguyễn Quốc	Huy	08.08.1978	Thừa Thiên Huế	Khá
244	8	Nguyễn Đức	Mạnh	24.06.1981	Thừa Thiên Huế	Khá
245	9	Bùi Quốc	Dầu	02.12.1981	Quảng Bình	Giỏi
246	10	Nguyễn Văn	Hồng	05.06.1980	Quảng Bình	Giỏi
247	11	Đinh Thị	Huyền	21.12.1983	Quảng Bình	Giỏi
248	12	Phạm Thị Thúy	Linh	03.04.1983	Thừa Thiên Huế	Giỏi

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
249	13	Lê Thị	Loan	20.03.1988	Quảng Bình	Giỏi
250	14	Phạm Xuân	Minh	05.02.1991	Quảng Bình	Giỏi
251	15	Nguyễn Xuân	Nghiêm	03.01.1979	Quảng Bình	Khá
252	16	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhớ	11.08.1984	Quảng Bình	Khá
253	17	Mai Anh	Phong	28.05.1983	Quảng Bình	Khá
254	18	Phạm Nam	Quốc	16.03.1982	Quảng Bình	Giỏi
255	19	Nguyễn Thị Kim	Thúy	06.04.1981	Quảng Bình	Giỏi
256	20	Nguyễn Minh	Trung	16.10.1982	Quảng Bình	Khá
257	21	Lê Xuân	Trung	05.01.1964	Quảng Bình	Khá
258	22	Lê Hữu	Tuân	18.10.1983	Quảng Bình	Giỏi
259	23	Nguyễn Văn	Tuấn	25.05.1978	Quảng Bình	Khá
260	24	Lê Trọng	Tuấn	13.12.1984	Quảng Bình	Khá
261	25	Lê Thế	Anh	21.04.1990	Quảng Trị	Giỏi
262	26	Nguyễn	Chi	12.05.1964	Quảng Nam	Giỏi
263	27	Trương Thế	Cường	26.04.1986	Quảng Nam	Giỏi
264	28	Nguyễn Văn	Dũng	14.09.1991	Thừa Thiên Huế	Giỏi
265	29	Nguyễn Tấn	Đạt	10.06.1989	Bình Định	Giỏi
266	30	Võ Tấn	Đệ	16.11.1974	Quảng Nam	Khá
267	31	La Mai Đình	Đình	07.03.1983	Quảng Nam	Giỏi
268	32	Lê Thị Minh	Hiền	10.09.1991	Quảng Nam	Giỏi
269	33	Đoàn Văn	Hiền	06.04.1974	Quảng Nam	Giỏi
270	34	Nguyễn Thị	Huệ	16.06.1983	Quảng Nam	Giỏi
271	35	Trần Thị Ngọc	Lanh	03.02.1990	Thanh Hóa	Giỏi
272	36	Bùi Thị Ngọc	Linh	20.11.1991	Quảng Nam	Giỏi
273	37	Nguyễn Quang	Ngọc	12.02.1991	Nghệ An	Giỏi
274	38	Trần Văn	Quyết	23.04.1989	Thái Bình	Khá
275	39	Nguyễn Thị Hạnh	Quỳnh	01.01.1990	Quảng Nam	Giỏi
276	40	Phạm Khắc Kim	Thành	02.05.1967	Quảng Nam	Giỏi
277	41	Lê Thị Bích	Thảo	17.03.1974	Quảng Ngãi	Giỏi
278	42	Võ Tấn	Thi	02.02.1972	Quảng Nam	Khá
279	43	Nguyễn Hữu	Thọ	20.08.1974	Bình Định	Giỏi
280	44	Lê Thị	Thuận	07.09.1990	Quảng Nam	Giỏi
281	45	Nguyễn Thị Thu	Trang	27.03.1983	Quảng Nam	Giỏi
282	46	Cao Văn	Trọng	01.02.1990	Quảng Nam	Giỏi
283	47	Nguyễn Thị Lâm	Vinh	18.05.1985	Kon Tum	Giỏi
284	48	Lê Bá Chí	Công	19.12.1983	TP. Hồ Chí Minh	Khá
285	49	Huỳnh Thị	Cúc	24.04.1983	An Giang	Khá
286	50	Nguyễn Thị	Cúc	24.12.1985	Đà Nẵng	Giỏi
287	51	Nguyễn Thái	Điền	09.04.1978	Bến Tre	Khá
288	52	Trần Thị Thanh	Hằng	22.07.1975	Vĩnh Long	Giỏi
289	53	Thái Thị Thu	Hậu	13.08.1974	Bắc Giang	Khá
290	54	Trần Thanh	Hiếu	21.04.1978	Thanh Hóa	Khá
291	55	Huỳnh Thị Thanh	Hoàng	06.03.1983	Đồng Tháp	Khá
292	56	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	30.04.1985	TP. Hồ Chí Minh	Khá
293	57	Nguyễn Thị Thu	Hương	04.11.1980	TP. Hồ Chí Minh	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
294	58	Trương Mỹ	Khánh	15.12.1988	Kiên Giang	Khá
295	59	Nguyễn Hồng	Lam	03.12.1979	Đồng Tháp	Khá
296	60	Bùi Bảo	Long	04.05.1984	TP. Hồ Chí Minh	Khá
297	61	Hồ Thái	Long	09.12.1988	Lâm Đồng	Khá
298	62	Nguyễn Hà	Lụa	12.12.1984	Bình Dương	Giỏi
299	63	Trần Nguyên	Lượng	25.07.1977	Tiền Giang	Giỏi
300	64	Nguyễn Đình	Mạnh	20.10.1985	Thanh Hóa	Khá
301	65	Đỗ Hồng Phương	Minh	24.09.1989	Bình Dương	Khá
302	66	Trần Thái Thanh	Nhã	10.03.1983	Vĩnh Long	Khá
303	67	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18.05.1987	Bà Rịa-Vũng Tàu	Khá
304	68	Ngô Anh	Phong	26.11.1979	Bà Rịa-Vũng Tàu	Khá
305	69	Nguyễn Thị	Quyên	16.08.1980	Đồng Tháp	Khá
306	70	Phan Minh	Thuận	06.10.1985	TP. Hồ Chí Minh	Khá
307	71	Hồ Thị Thúy	Trọng	20.11.1982	Bình Thuận	Khá
308	72	Lê Thị Nhã	Trúc	10.12.1987	Lâm Đồng	Giỏi
309	73	Nguyễn Thành	Trung	12.11.1976	Tiền Giang	Giỏi
310	74	Bùi Xuân	Trường	10.07.1978	Ninh Bình	Giỏi
311	75	Trần Phước	Vinh	02.01.1977	Ninh Thuận	Khá
		13. Phục hồi chức năng (01)				
312	1	Sa Hao	Nhã	11.04.1989	Lâm Đồng	Giỏi
		14. Đa liễu (08)				
313	1	Nguyễn Thị Thu	Hà	14.12.1978	Quảng Trị	Khá
314	2	Trương Hữu Nhân	Khánh	24.03.1974	Đà Nẵng	Giỏi
315	3	Nguyễn Cao	Thịnh	17.05.1985	Thanh Hóa	Khá
316	4	Phạm Hoài	Dương	14.8.1982	Quảng Nam	Khá
317	5	Trương Thị Hoài	Giang	13.02.1983	Quảng Nam	Giỏi
318	6	Lê Hoàng	Phúc	20.10.1983	Quảng Nam	Khá
319	7	Nguyễn Công	Thành	01.01.1979	Hà Tĩnh	Khá
320	8	Từ Thị Thu	Tư	06.10.1981	Quảng Bình	Khá
		15. Tâm thần (13)				
321	1	Nguyễn Thị Mai	Hiền	03.12.1974	Quảng Bình	Khá
322	2	Nguyễn Đoàn Thanh	Mai	07.10.1991	Thừa Thiên Huế	Giỏi
323	3	Nguyễn Đỗ	Chinh	08.11.1986	Phú Thọ	Khá
324	4	Nguyễn Duy	Chớ	13.11.1979	Bến Tre	Khá
325	5	Trịnh Anh	Dũng	29.03.1975	Tiền Giang	Khá
326	6	Nguyễn Văn Thanh	Dũng	19.09.1982	Tiền Giang	Khá
327	7	Nguyễn Thị	Huyền	15.05.1983	Hải Dương	Khá
328	8	Trần Phương	Linh	16.06.1972	Long An	Khá
329	9	Châu Ngọc	Minh	24.02.1983	Bình Dương	Khá
330	10	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	15.09.1973	An Giang	Khá
331	11	Đặng Thị Huyền	Trang	07.03.1988	Tuyên Quang	Giỏi
332	12	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	05.12.1983	Bình Thuận	Khá
333	13	Nguyễn Văn	Trọng	18.08.1985	Nghệ An	Khá
		16. Ung thư (1)				
334	1	Lê Thị Bích	Ngọc	14.02.1985	Đà Nẵng	Giỏi

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
		17. Tổ chức quản lý được (30)				
335	1	Lê Minh	Đức	24.11.1978	Thừa Thiên Huế	TB Khá
336	2	Trần Khoa Khánh	Phương	25.10.1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá
337	3	Hoàng Thị Minh	Trang	06.05.1984	Quảng Trị	Khá
338	4	Huỳnh Minh	Triển	24.07.1985	Gia Lai	TB Khá
339	5	Trần Thị Kim	Xinh	27.07.1978	Thừa Thiên Huế	Khá
340	6	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25.11.1981	Đắk Lắk	TB Khá
341	7	Thăng Thị	Giang	11.03.1976	Quảng Bình	Khá
342	8	Nguyễn Tuấn	Hải	06.04.1984	Thừa Thiên Huế	Khá
343	9	Cao Thị Hải	Hậu	09.01.1969	Quảng Bình	Khá
344	10	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27.01.1985	Quảng Bình	Khá
345	11	Nguyễn Mạnh	Hồng	22.12.1979	Quảng Bình	Khá
346	12	Nguyễn Thị	Hợp	13.02.1985	Quảng Bình	Khá
347	13	Lê	Huy	21.03.1983	Quảng Bình	Khá
348	14	Hoàng Thị Hồng	Thái	07.08.1988	Quảng Bình	Khá
349	15	Hồ Thanh	Vân	03.09.1979	Quảng Bình	Khá
350	16	Nguyễn Thị	Vân	08.09.1986	Quảng Trị	Khá
351	17	Nguyễn Công	Ẩn	18.02.1966	Đà Nẵng	Khá
352	18	Nguyễn Thị	Bình	16.10.1986	Quảng Ngãi	Giỏi
353	19	Nguyễn Thu	Hiền	21.10.1987	Thừa Thiên Huế	Giỏi
354	20	Nguyễn Trần Thị	Huyền	15.05.1973	Quảng Nam	Giỏi
355	21	Phan Thị Phước	Nhũ	10.07.1983	Quảng Nam	Giỏi
356	22	Phạm Huỳnh	Như	23.10.1982	Quảng Nam	Giỏi
357	23	Nguyễn Minh	Nhật	30.10.1983	Quảng Ngãi	Khá
358	24	Nguyễn Văn	Phúc	13.03.1984	Nghệ An	Giỏi
359	25	Vũ Việt	Thành	17.02.1977	Quảng Nam	Khá
360	26	Trà Thị Uyên	Thao	20.08.1983	Quảng Nam	Giỏi
361	27	Đặng Thị Phương	Thảo	13.08.1987	Quảng Bình	Giỏi
362	28	Lê Lâm Hương	Thảo	03.05.1983	Quảng Ngãi	Giỏi
363	29	Trần Thị Kim	Thúy	12.08.1982	Quảng Nam	Giỏi
364	30	Trịnh Nữ Phi	Ứng	29.10.1988	Quảng Ngãi	Giỏi
		18. Được lý và được lâm sàng (38)				
365	1	Trần Đăng	Núi	09.12.1983	Thừa Thiên Huế	Khá
366	2	Trần Thị Bích	Thủy	30.09.1977	Bình Định	Khá
367	3	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05.12.1972	Đà Nẵng	Khá
368	4	Trần Thị Ái	Hiền	30.04.1987	Quảng Nam	Khá
369	5	Hà Thị Hồng	Nga	07.6.1976	Quảng Bình	Khá
370	6	Nguyễn Thị	Dung	05.12.1989	Thanh Hóa	Giỏi
371	7	Huỳnh Kiều	Dung	10.11.1983	Khánh Hòa	Giỏi
372	8	Võ Thanh	Lâm	12.07.1987	Phú Yên	Giỏi
373	9	Nguyễn Thị Như	Liên	15.05.1974	Phú Yên	Khá
374	10	Lê Nguyễn Thị Trúc	Linh	07.11.1983	Phú Yên	Giỏi
375	11	Trương Thị Ngọc	Liều	10.06.1981	Phú Yên	Khá
376	12	Trần Thành	Luân	21.06.1984	Phú Yên	Khá
377	13	Lê Tiến	Lực	16.10.1984	Phú Yên	Khá

STT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
378	14	Trần Thị Tuyết	Nhung	14.08.1984	Đăk Lăk	Giỏi
379	15	Trương Đình	Thành	01.08.1979	Phú Yên	Khá
380	16	Phan Nguyễn Quốc	Thiên	02.10.1988	Phú Yên	Giỏi
381	17	Huỳnh Lê	Tú	04.01.1982	Phú Yên	Khá
382	18	Trần Thị Phương	Uyên	01.06.1989	Phú Yên	Giỏi
383	19	Nguyễn Dương	Vũ	30.04.1982	Phú Yên	Khá
384	20	Phạm Hữu Toàn	Châu	27.11.1990	Bình Định	Giỏi
385	21	Nguyễn Đình	Cư	10.10.1971	Bình Định	Giỏi
386	22	Phạm Đức	Dũng	12.05.1983	Bình Định	Khá
387	23	Đỗ Thị Long	Hòa	29.10.1980	Bình Định	Giỏi
388	24	Trịnh Thị Kim	Hoàng	01.01.1987	Bình Định	Giỏi
389	25	Nguyễn Nữ Ngọc	Lâm	05.12.1982	Bình Định	Giỏi
390	26	Nông Thị Hải	Linh	02.05.1988	Gia Lai	Giỏi
391	27	Lê Bình	Long	11.01.1989	Bình Định	Khá
392	28	Võ Văn	Lục	02.06.1969	Bình Định	Giỏi
393	29	Lưu Thị Thu	Nguyệt	01.11.1973	Bình Định	Giỏi
394	30	Võ Thị Thu	Phương	10.10.1984	Bình Định	Giỏi
395	31	Huỳnh Ngọc	Thạch	10.06.1974	Bình Định	Giỏi
396	32	Bùi Công	Thiết	06.06.1969	Bình Định	Giỏi
397	33	Phan Thị Huỳnh	Thùy	20.02.1988	Bình Định	Giỏi
398	34	Hồ Thị Diệu	Trâm	12.07.1989	Quảng Trị	Giỏi
399	35	Lê Thị Thanh	Tuyền	27.06.1971	Bình Định	Giỏi
400	36	Lê Văn	Vĩnh	18.07.1974	Bình Định	Giỏi
401	37	Lê Thị	Vượng	26.05.1985	Bắc Giang	Giỏi
402	38	Nguyễn Cảnh	Toàn	19.04.1984	Kon Tum	Giỏi
19. Dược liệu - Dược cổ truyền (02)						
403	1	Nguyễn Văn	Chương	12.05.1979	Quảng Nam	Khá
404	2	Trần Võ Phương	Yên	27.01.1985	Quảng Ngãi	Khá
20. Điều dưỡng (01)						
405	1	Đỗ Thị	Cảnh	06.06.1990	Thanh Hóa	Giỏi
21. Cấp cứu đa khoa (06)						
406	1	Lê Văn	Hiệp	18.09.1981	Quảng Nam	Khá
407	2	Đặng Duy	Nhân	30.12.1977	Quảng Nam	Khá
408	3	Dương Ngọc	Thành	14.07.1986	Hà Tĩnh	Khá
409	4	Nguyễn Minh	Thức	08.08.1979	Quảng Nam	Khá
410	5	Phạm Phú	Tuấn	01.01.1971	Quảng Nam	Khá
411	6	Nguyễn Hoàng	Nhân	01.01.1982	Thừa Thiên Huế	Khá
22. Huyết học Truyền máu (04)						
412	1	Nguyễn Xuân	Bình	12.01.1977	Bắc Ninh	Giỏi
413	2	Nguyễn Trọng	Chính	06.07.1969	Phú Yên	Giỏi
414	3	Y Chương	Êban	19.04.1984	Đăk Lăk	Giỏi
415	4	Bùi Thị Kiều	Linh	05.07.1972	Thừa Thiên Huế	Giỏi
23. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (02)						
416	1	Nguyễn Thị	Thảo	29.02.1984	Thừa Thiên Huế	Khá
417	2	Lê Thị	Xuân	25.12.1979	Quảng Nam	Khá

STT	TTCN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
		24. Hóa sinh y học (01)			
418	1	Hồ Thị Hiệp	16.11.1979	Nghệ An	Giỏi
		25. Y tế công cộng (18)			
419	1	Nguyễn Văn Hòa	28.10.1989	Nghệ An	Khá
420	2	Hồ Alysa	11.02.1975	Hòa Bình	TB Khá
421	3	Đặng Đình Đám	10.04.1989	Nghệ An	TB Khá
422	4	Lê Công Hạnh	14.02.1973	Quảng Nam	Khá
423	5	Nguyễn Văn Hạnh	10.11.1979	Quảng Nam	Khá
424	6	Huỳnh Tấn Hùng	03.02.1972	Quảng Nam	Khá
425	7	Nguyễn Khắc Huy	15.03.1977	Quảng Nam	Khá
426	8	Nguyễn Hạ Lam	30.11.1981	Quảng Nam	Khá
427	9	Trịnh Ký Lo	12.02.1972	Quảng Nam	Khá
428	10	Hoàng Thị Nhâm	02.01.1983	Nghệ An	Khá
429	11	Phạm Thị Xuân Phi	17.09.1970	Quảng Ngãi	Khá
430	12	Đinh Văn Thái	03.09.1989	Thanh Hóa	Khá
431	13	Nguyễn Văn Thạnh	10.10.1967	Quảng Nam	Khá
432	14	Dương Quốc Thảo	12.01.1992	Quảng Nam	Khá
433	15	Nguyễn Thị Thìn	15.02.1975	Quảng Nam	Khá
434	16	Cao Minh Thông	05.02.1978	Quảng Nam	Khá
435	17	Nguyễn Thị Thu Trang	20.10.1979	Quảng Nam	Khá
436	18	Trần Văn Vũ	02.04.1977	Quảng Nam	Khá
		26. Y học dự phòng (02)			
437	1	Đỗ Văn Đông	03.04.1989	Thái Bình	TB Khá
438	2	Hồ Duy Sáu	10.12.1983	Quảng Trị	TB Khá

Ấn định danh sách có 438 (Bốn trăm ba mươi tám) học viên thuộc 26 chuyên ngành được Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I năm 2019 của Trường Đại học Y Dược Huế./.